TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2026/HS-ST
Ngày 23 - 6 - 2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Khổng Vương An - Bí thư Đoàn xã Sơn Đông, tỉnh Phú Thọ.

2. Ông Trương Trung Văn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Ngô Trường Út - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 78/2026/TLST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2026/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2026 đối với bị cáo:

Trần Duy M, sinh ngày 30 tháng 11 năm 2007 tại xã H, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Thôn N, xã H, tỉnh Phú Thọ; số CCCD: 026207000986; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Á; có vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, tại ngoại tại địa phương, "có mặt".

- Bị hại:

+ Anh Đoàn Văn H1, sinh năm 1992; số CCCD: 026092001106; địa chỉ: Thôn H, xã L, tỉnh Phú Thọ, "có mặt".

+ Anh Đàm Văn C, sinh năm 1992; số CCCD: 026092001556; địa chỉ: Thôn T, xã H, tỉnh Phú Thọ, "có mặt".

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Anh Trần Xuân Q, sinh năm 1995; số CCCD: 026095001027; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Phú Thọ, "vắng mặt".

+ Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1996; số CCCD: 026096001825; địa chỉ:

Thôn B, xã L, tỉnh Phú Thọ, "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 16/7/2025 đến ngày 12/8/2025, Trần Duy M do không có tiền tiêu xài cá nhân nên M nảy sinh ý định lừa thuê xe mô tô đem bán nên đã thực hiện 02 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn xã L, tỉnh Phú Thọ, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 19 giờ ngày 16/7/2025, M một mình đến cửa hàng cho thuê xe H2 của anh Đoàn Văn H1, khi đến nơi M gặp và nói muốn thuê xe mô tô của anh H1 để lấy phương tiện đi lại thì anh H1 tin là thật nên đồng ý cho thuê 01 xe mô tô biển kiểm soát 88AD-034.64, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, thời hạn thuê xe là từ ngày 16/7/2025 đến hết ngày 20/7/2025, giá tiền thuê xe là 150.000 đồng/ngày, đồng thời M phải đặt cọc số tiền là 1.000.000 đồng cho anh H1. Sau đó, M viết và ký vào hợp đồng thuê xe rồi anh H1 giao xe mô tô trên cùng toàn bộ giấy tờ xe cho M. Sau khi lừa thuê được xe mô tô, M một mình điều khiển xe mô tô trên đi thẳng đến nhà anh Trần Xuân Q. Khi đến nơi M gặp và nói muốn bán chiếc xe mô tô này thì anh Q đồng ý mua với giá là 11.500.000 đồng và bảo M viết và ký tên vào 01 giấy mua bán xe rồi anh Q đưa tiền cho M. Sau đó, M ra đường bắt taxi về và tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Vụ thứ 2: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 12/8/2025, M cùng Dương Minh N và Lê Ngọc T đi xe taxi đến cửa hàng cho thuê xe 168 ở thôn T, xã L, tỉnh Phú Thọ của anh Đàm Văn C. Khi đến cửa hàng cho thuê xe của anh C thì T và N không vào mà tiếp tục đi xe taxi đến quán I ở thôn V, xã L, tỉnh Phú Thọ để chơi game, còn M đi vào cửa hàng của anh C gặp và nói muốn thuê xe mô tô để lấy phương tiện đi lại thì anh C tin là thật nên đồng ý cho thuê 01 xe mô tô biển kiểm soát 88AE-021.99, nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, màu sơn xanh, xe đã qua sử dụng, giá tiền thuê xe là 350.000 đồng/ngày, đồng thời M phải đặt cọc số tiền là 10.000.000 đồng cho anh C. Sau đó, M viết và ký vào hợp đồng thuê xe rồi anh C giao xe mô tô trên cùng toàn bộ giấy tờ xe cho M. Sau khi lừa thuê được mô tô M điều khiển xe đến quán Internet 1997 G1 thấy N và T đang chơi game nên M rủ N và T đi chơi thì N và T đồng ý, sau đó M điều khiển xe mô tô trên chở theo N và T đến nhà anh Nguyễn Văn G. Khi đến nơi N và T ngồi ở bàn uống nước kê ở sân nhà anh G, còn M đi một mình vào trong nhà (đóng cửa lại) gặp anh G và thỏa thuận cầm cố chiếc xe mô tô trên cho anh G để vay số tiền 22.000.000 đồng, anh G đồng ý nhận cầm cố chiếc xe mô tô này trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày 12/8/2025. Anh G trừ luôn số tiền lãi là 2.000.000 đồng và đưa tiền mặt cho M số tiền 20.000.000 đồng. Sau đó, anh G yêu cầu M viết 01 giấy mua, bán xe đã được anh G soạn thảo sẵn từ trước để hợp thức việc cầm cố xe mô tô và đưa anh G cất giữ rồi M đi ra ngoài bắt xe taxi cùng với N và T đi về, sau đó M một mình tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Đã hết thời hạn thuê xe anh H1 và anh C đã nhiều lần yêu cầu M phải trả xe nhưng M không trả, không có tiền chuộc lại xe và bỏ trốn khỏi địa phương nên anh C và anh H1 đã làm đơn trình báo Cơ quan Công an.

Quá trình điều tra: Anh C và anh H1 đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 02 hợp đồng thuê xe mô tô (giữa M với anh C và anh H1); anh G giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 giấy mua bán xe mô tô và 01 xe mô tô Honda Vision biển kiểm soát 88AE - 021.99 để phục vụ quá trình điều tra.

*** Định giá tài sản:**

Ngày 22/12/2025, Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự xã L ra Bản kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐG, kết luận: *Trị giá tài sản đối với chiếc xe mô tô BKS: 88AE-021.99 của anh C là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).*

Ngày 24/3/2026, Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự xã L có Bản kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐG, kết luận: *Trị giá tài sản đối với chiếc xe mô tô BKS: 88AD-034.64 của anh H1 là 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng).*

*** Trưng cầu giám định tài liệu:**

Tại Bản kết luận giám định số 1709/KL-KTHS ngày 31/3/2026 của Phòng kỹthuật hình sự - Công an tỉnh P, kết luận: *Chữ ký, chữ viết trên các mẫu gửi giám định (kí hiệu A1, A2, A3) so với chữ ký, chữ viết của Trần Duy M trên các mẫu so sánh (kí hiệu M1, M2, M3, M4, M5, M6) là do cùng một người ký và viết ra.*

*** Vật chứng vụ án:**

Đối với chiếc xe mô tô biển kiển soát 88AD-034.64, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, là tài sản của anh Đoàn Văn H1 sau khi M lừa thuê xe của anh H1 đã bán cho Trần Xuân Q, Q khai đã bán cho người không rõ tên, tuổi, địa chỉ. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy tìm nhưng chưa có kết quả.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88AE - 021.99, nhãn hiệu Honda, loại xe Vision và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 88AE-021.99 là tài sản của anh Đàm Văn C. Ngày 18/4/2026, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh P đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh C là đúng chủ sở hữu.

Tại bản Cáo trạng số 42/CT-VKSKV11 ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ đã truy tố bị cáo Trần Duy M về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 119 Luật Tư pháp

người chưa thành niên: Xử phạt bị cáo Trần Duy M từ 09 tháng đến 01 năm tù thời hạn tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có công ăn việc làm ổn định không có tài sản riêng nên không áp dụng.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 88AE - 021.99, nhãn hiệu Honda, loại xe Vision và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát: 88AE-021.99 là tài sản của anh Đàm Văn C. Ngày 18/4/2026, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh P đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh C là đúng chủ sở hữu.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo M phải trả tiền giá trị xe máy cho anh H1 là 14.000.000 đồng và số tiền 15.000.000 đồng mất thu nhập từ việc không cho thuê xe mô tô trong thời gian M chiếm đoạt xe của anh H1 từ ngày 16/7/2025 đến ngày xét xử 23/6/2026.

Buộc bị cáo M trả tiền mất thu nhập từ việc không cho thuê xe mô tô trong thời gian M chiếm đoạt xe của anh C từ ngày 12/8/2025 đến ngày 18/4/2026 là 30.000.000 đồng.

Buộc bị cáo M phải trả cho anh Nguyễn Văn G số tiền 20.000.000 đồng là tiền anh G cho M vay khi cầm cố xe mô tô.

Ý kiến của những người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa, anh C yêu cầu M bồi thường số tiền 84.000.000 đồng là tiền mất thu nhập từ việc không cho thuê xe mô tô trong thời gian M chiếm đoạt xe của anh C từ ngày 12/8/2025 đến ngày 18/4/2026. Tuy nhiên, do bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn nên anh C chỉ yêu cầu bị cáo M phải bồi thường số tiền 30.000.000 đồng là tiền mất thu nhập từ việc không cho thuê xe mô tô trong thời gian M chiếm đoạt xe của anh C.

Tại phiên tòa, anh H1 yêu cầu M bồi thường trị giá xe mô tô là 14.000.000 đồng và bồi thường số tiền 51.450.000 đồng là tiền mất thu nhập từ việc không cho thuê xe mô tô trong thời gian M chiếm đoạt xe của anh H1 từ ngày 16/7/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm 23/6/2026. Tuy nhiên, do bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn nên anh H1 chỉ yêu cầu bị cáo M phải bồi thường trị giá xe mô tô là 14.000.000 đồng và bồi thường số tiền 15.000.000 đồng là tiền mất thu nhập từ việc không cho thuê xe mô tô trong thời gian M chiếm đoạt xe của anh H1.

Anh G yêu cầu M phải trả số tiền 20.000.000 đồng do M cầm cố xe mô tô cho anh G mà có nhưng đã tiêu xài hết.

Bị cáo không bào chữa, tranh luận gì. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo không có tiền để trả cho anh H1, anh C, anh G; bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo đi chấp hành sớm để về sớm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng trong vụ án là hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Trần Duy M đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ. Bị cáo khai nhận như sau: Trong khoảng thời gian từ ngày 16/7/2025 đến ngày 12/8/2025, Trần Duy M đã 02 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản tổng số tiền 34.000.000 đồng, cụ thể:

Ngày 16/7/2025 tại cửa hàng của anh Đoàn Văn H1, M đã đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt tài sản thông qua việc thuê xe mô tô để làm phương tiện đi lại nên anh H1 tin và cho M thuê 01 xe mô tô biển kiểm soát 88AD-034.64, nhãn hiệu Honda Wave trị giá 14.000.000 đồng. M mang đến bán cho anh Trần Xuân Q được số tiền 11.500.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 12/8/2025 tại cửa hàng của anh Đàm Văn C vẫn thủ đoạn trên M được anh C cho thuê 01 xe mô tô biển kiểm soát 88AE-021.99, nhãn hiệu Honda Vision trị giá 20.000.000 đồng rồi mang đến nhà anh Nguyễn Văn G cầm cố, viết giấy bán được số tiền 22.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

[3] Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; lời khai của bị hại, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với Kết luận giám định; vật chứng thu giữ được cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ cơ sở xác định do bị cáo Trần Duy M không có tiền tiêu xài cá nhân nên trước khi thuê xe mô tô bị cáo M đã dùng thông tin gian dối để chủ xe tin tưởng giao xe, sau đó đem đi bán, cầm cố ngay xe mô tô để lấy tiền. Hành vi tự ý bán, cầm cố chiếc xe mô tô không thuộc sở hữu của mình nhằm mục đích để chiếm đoạt của bị cáo M đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tài sản hai chiếc xe mô tô mà bị cáo chiếm đoạt có tổng trị giá 34.000.000 đồng nên bị cáo phải chịu tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Điều luật quy định: *"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng, ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm..."*

[4] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, thấy rằng:

Bị cáo Trần Duy M được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đó là quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đó là phạm tội từ 02 lần trở lên.

Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo M là người chưa thành niên (chưa đủ 18 tuổi), mặc dù bản thân bị cáo tuổi đời còn trẻ, hiểu biết pháp luật còn hạn chế, hoàn cảnh gia đình còn khó khăn nhưng không tự tu dưỡng rèn luyện, mà ham chơi đua đòi, tụ tập hư hỏng dẫn đến có hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án này là liều lĩnh, coi thường pháp luật và gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây phẫn nộ trong nhân dân. Việc miễn trách nhiệm hình sự hay áp dụng một trong các biện pháp tư pháp không bảo đảm hiệu quả giáo dục và công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm. Do đó việc xử phạt bị cáo với mức án tù giam là có căn cứ, đúng pháp luật, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tuy nhiên, cần áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự và Luật Tư pháp người chưa thành niên đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Điều 119 của Luật Tư pháp người chưa thành niên quy định như sau:

"Điều 119. Tù có thời hạn

1. Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội: nếu điều luật của BLHS được áp dụng quy định hình phạt là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 3/5 mức phạt tù mà điều luật của BLHS quy định, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này."

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88AD-034.64, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, là tài sản của anh Đoàn Văn H1 sau khi M lừa thuê xe của anh H1 đã bán cho Trần Xuân Q, Q khai đã bán cho người không rõ tên, tuổi, địa chỉ. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy tìm nhưng chưa có kết quả.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88AE-021.99, nhãn hiệu Honda, loại xe Vision và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm sát 88AE-021.99 là

tài sản của anh Đàm Văn C. Ngày 18/4/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh C là đúng chủ sở hữu.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Hành vi phạm tội của bị cáo M đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của các bị hại, gây thiệt hại về tài sản và làm phát sinh khoản thu nhập bị mất do các bị hại không thể sử dụng, khai thác tài sản để cho thuê trong thời gian bị cáo chiếm đoạt. Do đó, bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại theo quy định của Bộ luật Dân sự. Tại phiên tòa, các bị hại đều tự nguyện giảm một phần số tiền yêu cầu bồi thường so với yêu cầu ban đầu. Xét thấy việc giảm số tiền yêu cầu bồi thường là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Cụ thể:

Đối với yêu cầu của anh C: Quá trình điều tra vụ án, anh C yêu cầu bị cáo M phải bồi thường khoản thu nhập bị mất do không thể cho thuê xe mô tô trong thời gian bị cáo chiếm đoạt xe, tính từ ngày 12/8/2025 đến ngày 18/4/2026 là 250 ngày × 350.000 đồng/ngày = 87.500.000 đồng, tuy nhiên anh C chỉ yêu cầu bồi thường số tiền 84.000.000 đồng. Tại phiên tòa, xét thấy bị cáo M không có công ăn việc làm ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên anh C tự nguyện giảm số tiền yêu cầu bồi thường, chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 30.000.000 đồng là khoản thu nhập bị mất do không thể cho thuê xe mô tô trong thời gian bị cáo chiếm đoạt xe. Bị cáo không đồng ý bồi thường cho anh C, lý do bị cáo không có tiền trả. Xét thấy số tiền anh C yêu cầu giảm đáng kể so với thiệt hại thực tế, có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về bồi thường thiệt hại. Việc bị cáo không đồng ý bồi thường khoản tiền mất thu nhập không làm mất quyền yêu cầu hợp pháp của bị hại khi yêu cầu này có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị cáo phải bồi thường cho anh C số tiền 30.000.000 đồng tiền thu nhập bị mất.

Đối với yêu cầu của anh H1: Anh H1 yêu cầu bị cáo M phải bồi thường giá trị xe mô tô là 14.000.000 đồng và khoản thu nhập bị mất do không thể cho thuê xe mô tô trong thời gian từ ngày 16/7/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm (23/6/2026), tương ứng 343 ngày × 150.000 đồng/ngày = 51.450.000 đồng. Tại phiên tòa, xét thấy bị cáo M không có công ăn việc làm ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên anh H1 tự nguyện giảm yêu cầu bồi thường, chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị xe mô tô là 14.000.000 đồng và khoản thu nhập bị mất là 15.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường giá trị xe mô tô nhưng hiện chưa có khả năng thanh toán; còn đối với khoản tiền 15.000.000 đồng bị cáo không đồng ý bồi thường, lý do bị cáo không có tiền trả. Xét thấy số tiền anh H1 yêu cầu giảm đáng kể so với thiệt hại thực tế, có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về bồi thường thiệt hại. Việc bị cáo không đồng ý bồi thường khoản tiền mất thu nhập không làm mất quyền yêu cầu hợp pháp của bị hại khi yêu cầu này có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị cáo phải bồi thường cho anh H1 tổng số tiền 29.000.000 đồng, gồm 14.000.000 đồng giá trị xe mô tô và 15.000.000 đồng tiền thu nhập bị mất.

Đối với yêu cầu của anh G: Anh G yêu cầu bị cáo M phải hoàn trả số tiền 20.000.000 đồng là số tiền bị cáo có được từ việc cầm cố chiếc xe mô tô do bị cáo chiếm đoạt và đã tiêu xài hết. Bị cáo đồng ý hoàn trả số tiền này nhưng hiện chưa có khả năng thanh toán, sau khi có điều kiện sẽ thực hiện nghĩa vụ. Xét thấy đây là khoản tiền bị cáo đã chiếm hưởng từ hành vi phạm tội, yêu cầu của anh G là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định được bị cáo Trần Duy M không có tài sản và thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Đối với Dương Minh N và Lê Ngọc T, quá trình điều tra xác định: N và T chỉ đi cùng Trần Duy M đến cửa hàng thuê xe 168 của anh C và đến nhà anh G, không được M trao đổi, bàn bạc về việc thuê xe để chiếm đoạt tài sản, M chỉ nói rủ đi chơi. Tại nhà anh G, M một mình vào trong nhà anh G để cầm cố xe mô tô, còn N và T ngồi uống nước ngoài sân. Sau khi cầm cố xe, M tiêu xài một mình, N và T không biết và không được hưởng lợi gì. Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với anh Dương Mạnh L, quá trình điều tra xác định: Anh L1 là lái xe taxi, ngày 12/8/2025 có chở M, N và T đến các địa điểm theo yêu cầu để lấy tiền cước, không biết việc M thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và không được hưởng lợi gì. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh L1 là có căn cứ.

Đối với anh Trần Xuân Q, quá trình điều tra xác định: Khi mua xe mô tô biển kiểm soát 88AD-034.64 do M mang đến bán, M nói xe thuộc sở hữu của mình nên anh Q không biết đây là tài sản do phạm tội mà có. Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh Q là có căn cứ.

Đối với Đàm Văn C và Đoàn Văn H1 giao xe cho Trần Duy M, có dấu hiệu vi phạm hành chính về hành vi giao xe cho người không đủ điều kiện. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P đã chuyển hồ sơ đến Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh P để xem xét ra Quyết định xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

Đối với hành vi của Nguyễn Văn G cho M vay số tiền 22.000.000 đồng trong thời hạn 01 tháng, thu lãi 2.000.000 đồng/tháng, tương đương mức lãi suất 109,5%/năm. Kết quả điều tra xác định G chưa có tiền án, tiền sự; số tiền thu lợi bất chính là 2.000.000 đồng nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Ngày 22/4/2026, Công an xã L đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 28/QĐ-XPHC xử phạt số tiền 15.000.000 đồng đối với G.

[10] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bị cáo Trần Duy M còn phải chịu án phí dân sự trong vụ án hình sự đối với phần nghĩa vụ mà bị cáo phải thực hiện với số tiền là 3.950.000 đồng

(79.000.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Duy M phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt bị cáo Trần Duy M 11 (Mười một) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589, Điều 357, Điều 468.

Buộc bị cáo Trần Duy M phải bồi thường số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) là tiền mất thu nhập (trong thời gian M chiếm đoạt xe của anh C) cho anh Đàm Văn C.

Buộc bị cáo Trần Duy M phải bồi thường trị giá xe mô tô Honda Wave là 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) và bồi thường số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) là tiền mất thu nhập (trong thời gian M chiếm đoạt xe của anh H1) cho anh Đoàn Văn H1.

Buộc bị cáo Trần Duy M phải hoàn trả số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) cho anh Nguyễn Văn G.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bị cáo Trần Duy M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Duy M phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.950.000 đồng (Ba triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 11 - Phú Thọ;
- Phòng Hồ sơ - CA tỉnh Phú Thọ;
- CQĐT - CA tỉnh Phú Thọ;
- Cơ quan THADS tỉnh Phú Thọ;
- Phòng THAHS - CA tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ; Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Trang